

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST

Ngày 21-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Ông Ngô Minh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 136/2020/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2020/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 03/TB-TA ngày 22 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

- Bùi V T, sinh năm 1984; Nơi sinh: tại H; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố H; Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; con bà Bùi Thị P; vợ là Trần Thị Thanh L; có 03 con.

Nhân thân:

+ Bản án số 63/PTHS ngày 30/5/2002, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2001, ra trại ngày 20/01/2004, thi hành án dân sự xong ngày 12/6/2007, về bồi thường dân sự người được thi hành án và người phải thi hành án không có đơn yêu cầu (đã xóa án tích).

+ Bản án số 86/2007/HSST ngày 07/6/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 04 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2007, ra trại ngày 15/3/2010, thi hành án dân sự xong ngày 13/8/2008 (đã xóa án tích).

+ Bản án số 94/2013/HSST ngày 10/6/2013, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2012, ra trại ngày 09/5/2015, thi hành án dân sự xong ngày 16/01/2014 (đã xóa án tích). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/4/2020; Có mặt.

- **Nguyễn Thái B** (Tức Ba Đen), sinh năm 1986; Nơi sinh: tại H; Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện T, thành phố H; Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn V S và bà Phùng Thị L; vợ là Nguyễn Thị T; Nhân thân: Bản án số 47/2007/HSST ngày 29/6/2007, Tòa án nhân dân thị xã U xử phạt 12 tháng tù về tội Che giấu tội phạm, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, ra trại ngày 23/11/2008, thi hành án dân sự xong ngày 29/6/2007 (đã xóa án tích). Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/4/2020. Có mặt.

- **Trần Đình N**, sinh năm 1982; Nơi sinh: tại H; Nơi cư trú: Thôn 02, xã G, huyện T, thành phố H; Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Trần Đình B và bà Nguyễn Thị D (đã chết), vợ Phạm Thị; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam ngày 25/4/2020. Có mặt.

- **Phạm Quốc D**, sinh năm 1988; Nơi sinh: tại Q; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 54CM, khu 4B, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Q; Nơi cư trú: Xã Minh Tân, huyện T, thành phố H. Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Quốc Đạt và bà Phạm Thị Nguyệt; vợ Phạm Thị Nhung; có 02 con; Nhân thân: Bản án số 71/2013/HSST ngày 02/5/2013, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội Đánh bạc, thi hành án dân sự ngày 05/8/2013 (đã xóa án tích); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/4/2020. Có mặt.

- **Đỗ Hữu Q**, sinh năm 1987; Nơi sinh: tại Q; Nơi cư trú: Tổ 3, khu B, phường P, thành phố U, tỉnh Q; Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Đỗ Hữu Đ và bà Lê Thị L; vợ Trần Thị D, có 02 con. Nhân thân:

+ Bản án số 37/2006/HSST ngày 17/2/2006, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 24 tháng tù về tội Cướp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2005, ra trại tù ngày 28/9/2007, thi hành án dân sự xong ngày 17/02/2006 (đã xóa án tích).

+ Bản án số 37/2009/HSST ngày 30/3/2009, Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Q 07 năm tù về tội Cướp tài sản thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2008, ra trại ngày 05/8/2014, thi hành án dân sự xong ngày 30/3/2009 (đã xóa án tích).

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/4/2020. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thái B là luật sư Bùi Quốc T; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Hồi 01 giờ 30 phút ngày 20/4/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T kết hợp với Công an xã Đông Sơn làm nhiệm vụ tại thôn 5, xã Đông Sơn, huyện T, thành phố H đã phát hiện tại phòng số 202, nhà nghỉ T, có 16 đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Bùi V T; Nguyễn Thái B (tức Ba đen); Trần Đình N; Nguyễn Quốc D; Đỗ Hữu Q; Vũ V T, Trương Công V và Đào V C, Bùi V B; Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 28/8/2005 (14 tuổi 7 tháng 22 ngày), Vũ Hải Q, sinh ngày 08/9/2003 (16 tuổi 7 tháng 12 ngày), Hoàng Thị D, sinh ngày 16/02/2002 (trên 18 tuổi); Lý Thị Huỳnh N và Ngũ Ánh T; Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị T. Thu giữ các vật chứng gồm:

- Tại bàn uống nước có: 03 túi nylon màu trắng, trong suốt (01 túi có kích thước 04cm x 05cm bên trong có 02 viên nén hình bầu dục, màu hồng; 02 túi có kích thước 2,5cm x 2,5cm bên trong chứa tinh thể màu trắng); 01 chiếc thẻ từ mở khóa phòng 202 bám dính tinh thể màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ hình vuông, màu trắng (kích thước 20cm x 20cm) trên mặt đĩa có bám dính tinh thể màu trắng; 01 chiếc tàu tự cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000đồng, được cố định 03 đầu bằng vỏ thuốc lá, có bám dính tinh thể màu trắng; 01 vỏ túi nylon màu trắng, trong suốt (kích thước 2,5cm x 2,5cm) bám dính tinh thể màu trắng.

- Tại mặt ghế sofa dài có 01 túi nylon màu trắng, trong suốt (kích thước 04cm x 06cm) bên trong có 01 viên nén hình chữ nhật, màu hồng; 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (01 chiếc gắn sim 0965.889.979; 01 chiếc gắn sim 0945.011.986).

Tại bản Kết luận giám định số 212/KLGD ngày 25/4/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H kết luận: 02 viên nén màu hồng trong túi nylon thu tại mặt bàn uống nước có khối lượng 0,90g là ma túy MDMA; tinh thể màu trắng trong túi nylon thu tại mặt bàn uống nước có khối lượng 1,58g là ma túy Ketamine; tinh thể màu trắng bám dính trên thẻ nhựa, đĩa sứ hình vuông, ống tàu cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và trong vỏ túi nylon đều là ma túy Ketamine - không đủ điều kiện xác định khối lượng ma túy; 01 viên nén hình chữ nhật màu hồng nhạt trong túi nylon có khối lượng 0,46g là ma túy MDMA.

Tiến hành xét nghiệm thành phần nước tiểu của các đối tượng cho kết quả: Đỗ Hữu Q D tính với các chất ma túy MDMA, Ketamine, cần sa; Vũ V T, Trần Đình N, Nguyễn Thái B, Đào V C, Trương Công V, Phạm Quốc D, Bùi Thị Ngọc L, Hoàng Thị D, Vũ Hải Q đều D tính với các chất ma túy MDMA, Ketamine; Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Thị Thơ đều D tính với ma túy MDMA; Bùi V T D tính với chất ma túy Ketamine; Ngũ Ánh T, Lý Thị Huỳnh N, Bùi V B, Hồ V D âm tính với các chất ma túy.

Tiến hành xác định tình trạng nghiệm của các đối tượng có kết quả: Vũ V T, Trần Đình N, Đỗ Hữu Q, Nguyễn Thái B, Bùi V T, Đào V C, Trương Công V, Phạm

Quốc D, Hoàng Thị D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T đều không nghiện chất ma túy. Do các đối tượng Bùi Thị Ngọc L, Vũ Hải Q chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để xác định tình trạng nghiện ma túy.

Tại cơ quan điều tra các bị can Bùi V T, Nguyễn Thái B (tức Ba đen), Trần Đình N, Nguyễn Quốc D, Đỗ Hữu Q khai: sau khi ăn cơm tại nhà D thì cả nhóm của T gồm: T, Ba đen, T, V, Q, N, B, Tiên, N và D cùng rủ nhau đi hát karaoke Phố Núi, ở thị trấn Minh Đức. Tại đây, V gặp bạn là C nên đã rủ C vào hát cùng cả nhóm. Khi cả nhóm chuẩn bị ra về, T nảy sinh ý định tổ chức sử dụng chất ma túy nên đã gọi Ba, D, N ra ngoài phòng hát. T nói với Ba “lên nhà nghỉ Thành L lấy ít đồ chơi”, Ba hiểu là mua ma túy về sử dụng tại nhà nghỉ Thành L để cả nhóm sử dụng. T B Ba cứ ứng trước tiền mua ma túy về sử dụng, rồi sẽ thanh toán sau. Ba đồng ý và nói với T gọi thêm người (03 nhân viên) đến sử dụng ma túy cho vui, T đồng ý. Ba gọi điện thoại cho Hà (không xác định được căn cước, lai lịch) hỏi thuê nhân viên. T B N về nhà Ba lấy ô tô T (mượn của bạn đang để đó từ trước) chở Ba đi mua ma túy và đón nhân viên, N đồng ý. Sau đó, T gọi điện thoại cho nhà nghỉ Thành L đặt 01 phòng to và 02-03 phòng nhỏ, rồi quay vào phòng hát B mọi người đến nhà nghỉ Thành L chơi.

N, Ba, D cùng đi về nhà Ba lấy xe ô tô biển kiểm soát 15A-330.22. Đến khu vực chốt kiểm dịch gần cầu Đá Bạc thì D và Ba xuống xe đi bộ. D ngồi ở chốt kiểm dịch chơi, còn Ba đi bộ một mình qua chốt kiểm dịch, sang địa phận U, tỉnh Q đón 03 nhân viên (L, D, Q).

N điều khiển xe ô tô chở D, Ba, L, D, Q về nhà nghỉ Thành L (D ngồi ghế phụ còn Ba ngồi sau với các nhân viên). Trên đường đi, Ba gọi điện thoại cho Kiên (không xác định được căn cước, lai lịch) hỏi mua 10 viên ma túy thuốc lắc và 02 gam Ketamine với giá khoảng 03-04 triệu đồng. Kiên đồng ý và hẹn giao dịch ở khu vực lối rẽ từ Quốc lộ 10 đi Ủy ban nhân dân xã Kênh Giang. Khi Ba gọi điện thoại, mọi người trên xe ô tô không để ý. Gần đến khu vực điểm hẹn, Ba nói với N rẽ vào để lấy đồ. Ba ngồi trên xe ô tô, hạ kính xuống, thì Kiên đưa cho Ba 01 túi nylon trong có chứa ma túy. Ba chưa thanh toán tiền cho Kiên. Lấy được ma túy, N tiếp tục điều khiển xe ô tô về nhà nghỉ Thành L.

Tại nhà nghỉ Thành L, T và nhóm bạn từ quán karaoke đến nhận các phòng 202, 203, 204, 205. T là người cầm chìa khóa phòng, rồi tất cả mọi người tập trung tại phòng 202 (phòng to). Tiên và N sang phòng 204. V gọi điện thoại rủ Thẩm (bạn gái) đến nhà nghỉ Thành L chơi với V, C. Thẩm rủ thêm Thơ đi cùng. V đón Thẩm, Thơ vào phòng 203. Một lúc sau nhóm của Ba và N về đến nhà nghỉ Thành L.

Tất cả tập trung tại phòng 202, mở nhạc to. Ba để túi ma túy vừa mua được để lên bàn, lấy túi thuốc lắc tự uống 01 viên rồi phát cho L, D, Q, C, V mỗi người 1 viên thuốc lắc; phát cho T 1/2 viên thuốc lắc. Thẩm xin V 1/2 viên thuốc lắc. C bỏ 1/2 viên thuốc lắc tự sử dụng, còn 1/2 viên để xuống bàn thì Thơ lấy sử dụng. Ba sử dụng thuốc lắc xong vào buồng trong đi ngủ. N, D, Q mỗi người tự lấy 1/2 viên thuốc lắc

sử dụng. T B D lấy đĩa sứ. T cầm túi ma túy trên bàn để lên đĩa đưa cho Q B Q đảo, xào ma túy cho mọi người sử dụng. Trong khi Q đảo, xào kẻ ma túy thành nhiều đường thẳng thì T lấy tờ 10.000 đồng cuộn thành tẩu, cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá. T đưa tẩu cho T để cho Q. Q bê đĩa ma túy có tẩu đưa cho T, T sử dụng. Q kẻ 01 đường tự sử dụng rồi đặt đĩa Ketamine xuống bàn và nói “anh em chơi đi”. T gọi D sử dụng ma túy và B D mời D, Q, L sử dụng. D tự kẻ 01 đường Ketamine, dùng tẩu sử dụng hết rồi kẻ các đường Ketamine và bê đĩa mời L, D, Q sử dụng. D để đĩa ma túy xuống bàn, N lấy sử dụng nốt. Tiên, N, B không sử dụng ma túy. Cả nhóm ngồi nghe nhạc đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 20/4/2020 thì bị cơ quan công an kiểm tra phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

Các đối tượng Vũ V T, Đào V C, Trương Công V, Hoàng Thị D, Vũ Hải Q, Bùi Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Thị Thơ, Bùi V B, Ngũ Ánh Tiên, Lý Thị Huỳnh N, Hà V Duy khai phù hợp với nội dung nêu trên. Việc V rủ C đến nhà nghỉ Thành L cùng là do V không có xe, C đi xe mô tô chở V đến. V rủ Thắm là bạn gái đến nhà nghỉ chơi, còn Thắm rủ thêm Thơ đến chơi với C. V không biết việc T, Ba, N, D bàn bạc tổ chức sử dụng ma túy. L, D, Q được Ba thuê đi chơi, có trả tiền công, không được bàn bạc tổ chức sử dụng ma túy. Các đối tượng được sử dụng ma túy tại nhà nghỉ Thành L không phải trả tiền. Duy là nhân viên nhà nghỉ, không biết việc các đối tượng thuê nhà nghỉ để sử dụng ma túy. Ba không sử dụng Ketamine Nng lý do kết quả xét nghiệm nước tiểu của Ba có thành phần của Ketamine là Ba sử dụng với bạn trước đó. Lý do trong thành phần nước tiểu của Q có cần sa là do Q sử dụng với bạn trước đó.

Đối với nguồn gốc ma túy là 01 viên thuốc lắc màu hồng (có đặc điểm và hình dáng khác với loại ma túy thuốc lắc mà Ba mua về), cơ quan thu giữ tại ghế sofa trong phòng 202 nhà nghỉ Thành L. Các đối tượng khai không biết của ai, không phải ma túy mà Ba mua được.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố các bị cáo Bùi V T, Nguyễn Thái B (tức Ba Đen); Trần Đình N, Phạm Quốc D và Đỗ Hữu Q về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b,c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận và thừa nhận T bộ hành vi của mình N nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b,c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự và đề nghị, Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo Bùi V T đề nghị căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 9 năm đến 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam 25/4/2020.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thái B (tức Ba Đen) đề nghị căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam 25/4/2020.

- Đối với bị cáo Phạm Quốc D đề nghị căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 8 năm đến 9 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam 25/4/2020.

- Đối với bị cáo Trần Đình N đề nghị căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 8 năm đến 8 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam 25/4/2020.

- Đối với bị cáo Đỗ Hữu Q đề nghị căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 7 đến 8 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam 25/4/2020.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có đủ căn cứ kết luận: Ngày 20/4/2020, Bùi V T, Nguyễn Thái B (tức Ba Đen); Trần Đình N; Nguyễn Quốc D và Đỗ Hữu Q đã có hành vi cùng nhau bàn bạc, mua các chất ma túy, tìm người, thuê địa điểm để cùng nhau sử dụng ma túy và bằng việc mời, rủ rê để đưa chất ma túy vào cơ thể cho nhiều người không nghiện ma túy (gồm V T, Đào V C, Trương Công V, Hoàng Thị D, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Thị Thơ, Vũ Hải Q, Bùi Thị Ngọc L, trong đó Vũ Hải Q và Bùi Thị Ngọc L là người dưới 18 tuổi). Do đó, các bị cáo phải chịu các tình tiết định khung là “Đối với 02 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến 18 tuổi” quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Vậy, Cáo

trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo N đã nêu trên là đúng người, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, vi phạm các chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng chống ma túy. Hiện nay ma túy đang là hiểm họa đối với con người, tác động xấu đến kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, đạo đức, lối sống, V hóa, hạnh phúc gia đình và làm lây lan đại dịch HIV/AIDS. Các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy Nng không có ý thức phòng tránh mà đã coi thường pháp luật thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đưa chất ma túy vào cơ thể của nhiều người, trong đó có cả người chưa thành niên. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân bị cáo, tính chất vụ án và quyết định hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Đình N đã có thời gian tham gia quân đội, còn đối với bị cáo Phạm Quốc D có bố được Nhà nước khen thưởng huân chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mặt khác các bị cáo Bùi V T, Nguyễn Thái B, Phạm Quốc D, Đỗ Hữu Q đều đã có tiền án tuy đều đã được xóa án Nng thể hiện các bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần phải đi chấp hành án tại trại giam mà không có ý thức tu dưỡng bản thân sửa chữa khuyết điểm sai lầm còn nghiện ma túy và tiếp tục phạm tội điều đó thể hiện các bị cáo coi thường pháp luật, đối với bị cáo Trần Đình N tuy phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ Nng lại phạm tội rất nghiêm trọng. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo buộc các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội N mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Xét đây là vụ án đồng phạm, phân hóa vai trò của các bị cáo xét thấy:

Bị cáo Bùi V T là người khởi xướng, bàn bạc và phân công Thái B (Ba đen), D, N đi mua ma túy, trực tiếp thuê địa điểm sử dụng ma túy, trực tiếp chỉ đạo việc sử dụng chất ma túy (Ketamine): B D đi lấy đĩa, đưa đĩa và ma túy cho Q để Q đảo, xào, kẻ ma túy cho mọi người sử dụng; trực tiếp chuẩn bị dụng cụ (tẩu cuốn), điều hành Q, D mời D, Q, L sử dụng ma túy.

Nguyễn Thái B là người tiếp nhận ý chí của T về việc tổ chức sử dụng chất ma túy và thực hành tích cực trực tiếp đi mua ma túy (MDMA, Ketamine), trực tiếp

tìm người sử dụng ma túy cùng (L, D, Q); trực tiếp phát ma túy thuốc lắc cho V, C, D, Q, L, T sử dụng; tạm ứng tiền thanh toán cho việc sử dụng chất ma túy.

Trần Đình N và Phạm Quốc D là những người tiếp nhận ý chí từ T về việc tổ chức sử dụng ma túy và thực hành tích cực. N là người trực tiếp chở B (tức Ba), D đi mua ma túy và đón nhân viên sử dụng ma túy. D đi cùng B (tức Ba), N mua ma túy và đón nhân viên, trực tiếp chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy (lấy đĩa), bê đĩa ma túy mời L, D, Q sử dụng.

Đỗ Hữu Q không được bàn bạc với T, Ba, N, D từ đầu Nng là người tiếp nhận ý chí từ các đối tượng trên về việc tổ chức sử dụng ma túy; trực tiếp là người đổ ma túy ra đĩa, đảo, xào, kẻ thành nhiều đường thẳng cho mọi người sử dụng, trực tiếp bê đĩa ma túy mời T, T sử dụng.

Vì vậy, bị cáo Bùi V T phải chịu hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác, xong đến bị cáo Nguyễn Thái B, còn các bị cáo Trần Đình N, Phạm Quốc D phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Đỗ Hữu Q Nng bị cáo N và D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo N, D và Q phải chịu hình phạt ngang nhau.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra các bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Vậy xác định các bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T gồm: 01 bì giấy niêm phong số 212/2020/PC09 chứa chất ma túy, vỏ túi nilon và bao bì còn lại sau giám định; 01 hộp giấy niêm phong số 212A/2020/PC09 gồm: 01 chiếc thẻ từ mở khóa phòng 202 (KT 6x8cm) 01 chiếc đĩa sứ hình vuông, màu trắng (KT 20x20cm); 01 vỏ túi nilon; đây là phương tiện phạm tội không còn giá trị nên nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc tàu tự uốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng được cố định bằng 03 đầu vỏ thuốc lá và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 gắn sim 0965889979 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim 0945011986 đã qua sử dụng là phương tiện phạm tội còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với ô tô biển kiểm soát 15A-330.22, N điều khiển chở Thái B (Ba đen), D đi mua ma túy và đón nhân viên là tài sản của Công ty cổ phần vận tải taxi Nguyễn Gia giao cho nhân viên công ty là Lê Đức Hiền, sinh năm 1992, ở thôn Thanh Lãng, xã Quảng Thanh, huyện T, thành phố H. Anh Hiền cho T mượn xe Nng không biết T sử dụng để đi mua ma túy và đón nhân viên về sử dụng nên Cơ quan điều tra trả lại cho taxi Nguyễn Gia sử dụng nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 túi nylon màu trắng, trong suốt, kích thước 04cm x 06cm bên trong có 01 viên nén hình chữ nhật, màu hồng nhạt (qua giám định là MDMA, có khối lượng 0,46gam), Công an thu giữ tại mặt ghế sofa trong phòng nghỉ 202 nhà nghỉ Thành L. Quá trình điều tra không xác định được là của đối tượng nào mang đến. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, tách ra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với các đối tượng Trương Công V có hành vi rủ thêm Đào V C, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Thị Thơ đến nhà nghỉ Thành L chơi, sử dụng ma túy Nng V không biết việc tổ chức sử dụng ma túy. V được Ba chia ma túy và Thắm xin ½ viên thuốc lắc để sử dụng. Hành vi của V không đồng phạm với T, Ba, N, D, Q về việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an huyện T không xử lý.

Đối với các đối tượng Vũ V T, Đào V C, Trương Công V, Bùi Thị Ngọc L, Hoàng Thị D, Vũ Hải Q, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Thị Thơ là những người được sử dụng chất ma túy MDMA, Ketamine không mất tiền, không đồng phạm với các bị can nên Công an huyện T đã xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Hồ V Duy là quản lý nhà nghỉ Thành L, có hành vi bố trí phòng 202 cho các đối tượng, cho D mượn đĩa để sử dụng ma túy Nng không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy tại nhà nghỉ nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với chủ nhà nghỉ Thành L không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an ninh, trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện; cơ sở kinh doanh không thực hiện việc thông báo lưu trú đối với cơ quan công an theo quy định khi có người đến lưu trú, không thực hiện việc dẫn cách xã hội trong thời gian phòng chống dịch covid nên Công an huyện T đã xử lý hành chính.

Đối với đối tượng tên Kiên bán ma túy cho Ba và đối tượng Hà là người môi giới cho Ba thuê nhân viên. Quá trình điều tra không xác định được căn cước, lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật hình sự xử: Phạt bị cáo Bùi V T 09 (Chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là 25/4/2020.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật hình sự xử: Phạt bị cáo Nguyễn Thái B (tức Ba Đen) 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là 25/4/2020.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật hình sự xử: Phạt bị cáo Phạm Quốc D 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là 25/4/2020.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật hình sự xử: Phạt bị cáo Trần Đình N 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là 25/4/2020.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật hình sự xử: Phạt bị cáo Đỗ Hữu Q 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là 25/4/2020.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 bì giấy niêm phong số 212/2020/PC09 chứa chất ma túy, vỏ túi nilon và bao bì còn lại sau giám định; 01 hộp giấy niêm phong số 212A/2020/PC09 gồm: 01 chiếc thẻ từ mở khóa phòng 202 (KT 6x8cm) 01 chiếc đĩa sứ hình vuông, màu trắng (KT 20x20cm); 01 vỏ túi nilon theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 chiếc tàu tự uốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng được cố định bằng 03 đầu vỏ thuốc lá; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 gắn sim 0965889979 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim 0945011986 đã qua sử dụng Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- CATP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.

Lê Thị SỰ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị SỰ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- CATP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

